

Bản án số: 46/2024/HS-ST

Ngày: 11 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh - Bí thư Đoàn phường Tây Sơn, thị xã A.

2. Ông Nguyễn Văn Thám - Phó Chủ tịch Hội Nông dân thị xã A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 16/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/HSST-QĐ ngày 28/6/2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Huy H**, sinh ngày 12/4/2001 tại Đ, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Bích H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 22/3/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt 15 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 08/2019/HS-ST ngày 22/3/2019, đến ngày 27/8/2020 chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự của bản án, đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Hình sự. Bị bắt theo Lệnh truy nã, tạm giữ từ ngày 07/02/2024, tạm giam từ ngày 10/02/2024 cho đến nay. Có mặt.

2. **Lý Xuân T**, sinh ngày 26/10/2001 tại Đ, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn L và bà Trần Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2023, tạm giam từ ngày 25/11/2023 cho đến nay. Có mặt.

3. **Huỳnh Ngọc Y**, sinh ngày 19/4/2007 tại Đ, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc P và bà Đỗ Thị Hồng N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2023, tạm giam từ ngày 25/11/2023 đến ngày 27/02/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Ngọc Y*: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981 (là cha của bị cáo Y); địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc Y*: Bà Cao Thị Mi S1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G - Chi nhánh S3. Có mặt.

* *Bị hại*: Nguyễn Vũ M, sinh ngày 13/11/2004; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

* *Người làm chứng*:

1. Nguyễn Ngọc Sỹ L1, sinh ngày 01/5/2005; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Trần Thành T1, sinh ngày 09/02/2007; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 1981 (là mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trần Thành T1. có mặt. Bà Nguyễn Thị Bích H3 vắng mặt.

3. Phùng Lê Thế V1, sinh ngày 17/10/2004; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Đoàn Ngọc Thảo N1, sinh ngày 20/10/2004; địa chỉ: A P, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 10/2023, Nguyễn Vũ Mạnh m của Nguyễn Huy H số tiền 2.000.000 đồng, cùng tiền lãi và hẹn trả trong thời hạn 01 tuần. Tuy

nhiên, sau đó M nhắn tin xin chậm trả nhưng H không trả lời tin nhắn và không liên lạc với M. Khoảng 18 giờ ngày 17/11/2023, Phạm Văn T2 tổ chức tiệc sinh nhật tại quán Ó, thuộc Tổ F, phường A, thị xã A. Những người được T2 mời và tham dự sinh nhật gồm: Nguyễn Ngọc Sỹ L1, Trần Đăng D, Phạm Đăng K, Phạm Tấn H4, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Ngọc H5 và Nguyễn Minh H6. Trần Thành T1 được T2 mời nhưng chưa đến. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Vũ M và Phùng Lê Thế V2 đến quán Ó. Do T2 biết M và V2 nên mời cả hai cùng ngồi vào dự tiệc sinh nhật. Lúc này, Nguyễn Huy H cùng với Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y đang ở nhà trọ tại số D L, Tổ E, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. H biết M đang ở quán Ó nên nói T đi cùng để đòi nợ thì T đồng ý. H điện thoại nhờ Trần Thành T1 chở thì biết Trần Thành T1 đang chuẩn bị đi dự sinh nhật T2 nên nói T1 tiện thể đến nhà trọ chở giúp H xuống quán. T1 đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đen - trắng, biển kiểm soát 81N1-7791 đến nhà trọ chở H và T đến quán Ó. Vào đến bàn tiệc, H và T ngồi chung bàn với M, yêu cầu M trả số tiền 7.000.000 đồng (Gồm tiền số tiền 2.000.000đ và tiền lãi của số tiền này). Lúc này, M sợ bị H đánh nên gọi điện hỏi người thân và bạn bè mượn tiền để trả cho H nhưng không mượn được. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm đi hát karaoke tại quán M1, thuộc Tổ F, phường A, thị xã A. Vào trong phòng hát, M liên tục gọi điện, nhắn tin người thân để mượn tiền trả cho H nhưng không có tiền. H và T yêu cầu M phải mượn được tiền trả cho H thì mới cho M đi về. Sau khi hát karaoke xong, tại sảnh để xe của quán M1 còn lại H, T, T1, M và L1. Do không có xe về nên H nói với T1 và L1 nhờ chở H và T về phòng trọ. Do M đã hỏi mượn nhiều nơi nhưng vẫn không có tiền để trả nên H đe dọa đánh, không cho M về nhà và bắt M phải về nhà trọ của mình. M vì lo sợ H đánh nên chấp nhận để Hoàng bắt đi mà không có hành động phản kháng. H lên xe mô tô Yamaha Jupiter biển kiểm soát 81N1- 7791 do T1 điều khiển. M lên xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 81F1-096.87 do L1 điều khiển, T lên xe ngồi sau để kèm M. Tất cả chạy về nhà trọ của H tại địa chỉ 42/17/32 L, Tổ E, phường A, thị xã A. Đến nơi, H, T và M vào nhà trọ, T1 và L1 điều khiển xe chạy về nhà ngủ. Lúc này, tại nhà trọ có Huỳnh Ngọc Y đang ở trong nhà nên chạy ra mở cửa, H và T dẫn M vào phòng ngủ thứ nhất của căn nhà rồi đóng cửa lại và nhốt M trong đó. H và T nói Y vào phòng canh giữ M không cho M ra ngoài nên Y vào phòng nằm bên cạnh để canh giữ M. Sau đó, T cũng vào phòng nằm cùng với Y canh giữ M. Trong cả ngày hôm sau (18/11/2023), H, T và Y thay nhau canh giữ M tại nhà trọ. H có dùng tay đánh M không gây thương tích và đe dọa. T chửi và đe dọa đánh M để buộc M gọi điện thoại cho người thân và bạn bè để vay tiền trả nợ cho H thì mới được thả về. Sợ bị đánh nên M điện thoại cho bà Vũ Thị H2 là mẹ của M xin 7.000.000 đồng để trả nợ cho H nhưng bà H2 không có tiền. H, T và Y liên tục thay phiên nhau canh giữ M đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/11/2023 thì bị Công an phường A phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đến kiểm tra phát hiện và tiến hành lập biên

bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y, tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án, thu giữ vật chứng. Nguyễn Huy H bỏ trốn, bị truy nã và bị bắt vào ngày 07/02/2024.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 81K4-1599, số khung RLGH125GD6D002826, số máy VMM9BE - D002826 (đã qua sử dụng).

- 01 hồ sơ sát hạch Giấy phép lái xe hạng A1 tên Lý Xuân T (gồm bì màu xanh và 01 giấy báo dự sát hạch, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe).

- 01 chứng minh nhân dân số 231298363; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 064216001985; 01 căn cước công dân số 064201002974; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 6422954789 đều mang tên Nguyễn Huy H.

- 01 điện thoại di động hiệu SamSung M20, số kiểu máy SM- M205G/DS, màu đỏ, có gắn sim số điện thoại 0329000881, Số Imei 1: 354556100475683, số Imei 2: 354557100475681.

- 01 điện thoại di động hiệu S4 A03 Core, số kiểu máy SM-A032F/DS, màu đen, có gắn sim số điện thoại 0924105507, Số Imei 1: 354015792689580/01, số Imei 2: 356926692689587/01, SN R7ST51VAERR.

- 01 điện thoại di động hiệu N3, vỏ màu xanh.

Về dân sự: Bà Vũ Thị H2 và Nguyễn Vũ M không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 16/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Huy H, Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Huy H, Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

- + Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 169, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Huy H và Lý Xuân T. Áp dụng khoản 1 Điều 169, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Ngọc Y.

- + Đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Xử phạt bị cáo Lý Xuân T từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Y từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20, số kiểu máy SM-M205G/DS, màu đỏ, số Imei 1: 354556100475683, số Imei 2: 354557100475681. 01 điện thoại di động hiệu S4 A03 Core, số kiểu máy SM-A032F/DS, màu đen, số Imei 1: 354015792689580/01, số Imei 2: 356926692689587/01, SN R7ST51VAERR. 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Sim số 0329000881 và sim số 0924105507.

+ Đề nghị trả lại: 01 xe mô tô biển số 81K4-1599, số khung RLGH125GD6D002826, số máy VMM9BE - D002826. 01 hồ sơ sát hạch Giấy phép lái xe hạng A1 tên Lý Xuân T (gồm bì màu xanh và 01 giấy báo dự sát hạch, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe). 01 chứng minh nhân dân số 231298363; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 064216001985; 01 căn cước công dân số 064201002974; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 6422954789 đều mang tên Nguyễn Huy H.

- Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc Y trình bày: Trên cơ sở kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị cáo Huỳnh Ngọc Y phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 169 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Ngọc Y đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội với vai trò thứ yếu. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về xử lý trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên điều kiện quản lý, chăm sóc, giáo dục con cái có những hạn chế nhất định. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức 24 tháng tù là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 17/11/2023, các bị cáo Nguyễn Huy H và Lý Xuân T biết Nguyễn Vũ M đang ở tại quán Ố thuộc Tổ F, phường A, thị xã A nên đến để đòi số tiền nợ 2.000.000 đồng. Tại đây, H và T liên tục đe dọa, bắt M trả tiền nhưng M không có tiền trả. Sau đó, H theo M đến quán M1 thuộc Tổ F, phường A, thị xã A tiếp tục đòi tiền. Khi biết M không có tiền trả, H và T bắt Nguyễn Vũ M đưa về nhà trọ tại số nhà D L, Tổ E, phường A, thị xã A để giữ M làm con tin từ khoảng 23 giờ 30 phút ngày 17/11/2023 đến 22 giờ 30 phút ngày 18/11/2023 nhằm mục đích yêu cầu M trả nợ. Tại đây, H, T và Huỳnh Ngọc Y canh giữ M, đe dọa, ép buộc M phải gọi điện về cho người thân để mượn tiền trả nợ cho H gồm cả tiền gốc và lãi với số tiền là 7.000.000 đồng thì mới thả M về. Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huy H, Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y đã phạm vào tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 169 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Huy H và Lý Xuân T đã lôi kéo, xúi giục bị cáo Huỳnh Ngọc Y là người dưới 18 tuổi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo Huỳnh Ngọc Y tại thời điểm phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định về nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này bị cáo Nguyễn Huy H có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án xét xử về tội Cố ý gây thương tích. Mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương

xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với các bị cáo Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y phạm tội lần đầu.

[6] Về hình phạt: Xét hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đối với Nguyễn Vũ M là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến tự do thân thể của người khác nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này các bị cáo đều là đồng phạm, nhưng thực hiện với tính chất giản đơn, trong đó vai trò chính là bị cáo Nguyễn Huy H, bị cáo là người rủ rê, lôi kéo Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y cùng tham gia vào việc bắt, giữ anh Nguyễn Vũ M. Các bị cáo Lý Xuân T, Huỳnh Ngọc Y chỉ tham gia với vai trò thứ yếu, thấp hơn so với bị cáo H. Do vậy, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các đặc điểm về nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và hành vi phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Vũ M không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu S4 M20, số kiểu máy SM-M205G/DS, màu đỏ. 01 điện thoại di động hiệu S4 A03 Core, số kiểu máy SM-A032F/DS, màu đen. 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh là phương tiện dùng vào việc phạm tội, xét tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 xe mô tô biển số 81K4-1599; 01 hồ sơ sát hạch Giấy phép lái xe hạng A1 tên Lý Xuân T (gồm bì màu xanh và 01 giấy bảo dự sát hạch, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe); 01 chứng minh nhân dân số 231298363 tên Nguyễn Huy H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 064216001985 tên Nguyễn Huy H; 01 thẻ căn cước công dân số 064201002974 tên Nguyễn Huy H; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 6422954789 tên Nguyễn Huy H, là những tài sản không liên quan đến vụ án xét trả lại cho các bị cáo.

Đối với sim số điện thoại 0329000881 và sim số điện thoại 0924105507 không có giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với các đối tượng có liên quan:

Đối với Trần Thành T1: T1 là bạn của Nguyễn Huy H và Nguyễn Vũ M. T1 được H nhờ chở đến quán Ó và nhờ chở từ quán M1 về nhà trọ của H. T1 không biết việc H đi đòi nợ M, không biết việc Hoàng bắt và đưa M về giữ ở nhà trọ để buộc M phải gọi điện cho người thân để lo tiền trả nợ cho H. Do đó, Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không xử lý đối với Trần Thành T1 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Ngọc Sỹ L1: L1 chỉ biết Nguyễn Huy H tại quán M1, L1 không có quan hệ với Lý Xuân T và Nguyễn Vũ M. L1 không biết việc H và T đòi tiền M. Sau khi hát karaoke xong H nhờ chở về nhà trọ nên L1 đã chở M và T từ quán M1 về nhà trọ của H. L1 không biết việc M bị H ép buộc về nhà trọ. Bản thân L1 chỉ có ý thức chở giúp M và T về. Sau đó, L1 cũng không biết việc M bị Hoàng giữ tại nhà trọ để buộc M phải mượn tiền của người thân trả cho H. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không xử lý đối với Nguyễn Ngọc Sỹ L1 là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 169; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Huy H, Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y. Áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Huy H và Lý Xuân T. Áp dụng thêm Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Ngọc Y.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Huy H, Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Lý Xuân T 02 (Hai) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 19/11/2023.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc Y 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2023 đến ngày 27/02/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20, số kiểu máy SM-M205G/DS, màu đỏ. 01 điện thoại di động hiệu S4 A03 Core, số kiểu máy SM-A032F/DS, màu đen. 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.

+ Trả lại cho bị cáo Lý Xuân T: 01 xe mô tô biển số 81K4-1599; 01 hồ sơ sát hạch Giấy phép lái xe hạng A1 tên Lý Xuân T. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huy H: 01 chứng minh nhân dân số 231298363; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 064216001985; 01 thẻ căn cước công dân số 064201002974; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 6422954789 đều mang tên Nguyễn Huy H.

+ Tịch thu tiêu hủy: Sim số 0329000881 và sim số 0924105507.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng cụ thể theo như biên bản giao nhận vật chứng lập giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục thi hành án dân sự thị xã A ngày 10/6/2024).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Huy H, Lý Xuân T và Huỳnh Ngọc Y, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2024) bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông